

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Phụ lục 04

Bãi bỏ các đoạn, tuyến đường trong Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Cà Mau được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026
ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày / 5 /2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

I. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ (05 đoạn, tuyến)

1. Phường Tân Thành (02 đoạn, tuyến)

a) Các đoạn, tuyến đường trên địa bàn phường Tân Thành

DVT: 1.000 đồng/m²

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành	Ghi chú
			Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)
1	127	Đường Nguyễn Bính	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Bà Triệu	8.500	không có trên thực tế
2	148	Đường Dương Thị Cẩm Vân	Phạm Ngọc Thạch	Mậu Thân (tên cũ: Vành đai 2)	10.100	do trùng với đoạn số TT 64

2. Phường Hòa Thành (01 đoạn, tuyến)

1	19	Đường Cà Mau - Đầm Dơi (phường 7)	Đoạn 1 chiều		1.500	Trùng với đoạn số TT48
---	----	-----------------------------------	--------------	--	-------	---------------------------

2. Phường Láng Tròn (01 đoạn, tuyến)

1	44	Thành các tuyến đường trong Khu dân cư khóm 3 (từ đường số 1- số 4),	Quốc lộ 1 (khu dân cư khóm 3)	Đường số 3 (khu dân cư khóm 3)	820	Trùng với đoạn số TT43
---	----	---	-------------------------------	--------------------------------	-----	---------------------------

3. Phường Bạc Liêu (01 đoạn, tuyến)

1	37	Ngô Gia Tự	Hoàng Diệu	Miếu Bà Đen	24.500	Trùng với đoạn số TT 36
---	----	------------	------------	-------------	--------	----------------------------

II. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN (11 đoạn, tuyến)

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành	Ghi chú
			Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)

1. Xã Sông Đốc (03 đoạn, tuyến)

1	127	Tuyến đường số 1 Khu tái định cư khóm 6B, Sông Đốc (tuyến đường bờ Nam, 2 bên)	Ranh đất ông Ngô Minh Dương, khóm 6A, thị trấn Sông Đốc	Đê biển Tây, khóm 6B, thị trấn Sông Đốc	-	do lỗi kỹ thuật, không có giá
2	128	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ >3 m			400	Trùng với đoạn số TT 133
3	129	Các tuyến lộ Bê tông trong thị trấn từ 1m - 1,5m			340	Trùng với đoạn số TT 135

2. Xã Đất Mới (01 đoạn, tuyến)

1	74	Khóm 3	Đường Hùng Vương	Huyện đội	2.820	do trùng với đoạn số TT 72
---	----	--------	------------------	-----------	-------	----------------------------

3. Xã Nguyễn Việt Khái (03 đoạn, tuyến)

1	18	Lộ Cái Nước - Cái Đôi Vàm	Cầu Vàm Đỉnh	Cầu kênh Đứng (2 bên)	340	do trùng với đoạn số TT 17
2	19	Lộ Cái Nước - Cái Đôi Vàm	Cầu Vàm Đỉnh	Cầu kênh Đứng (2 bên)	340	do trùng với đoạn số TT 17
3	21	Lộ Cái Nước - Cái Đôi Vàm	Cầu kênh Đứng	Cầu Bảo Láng (2 bên)	306	do trùng với đoạn số TT 20

4. Xã Tân Hưng (1 đoạn, tuyến)

1	17	Tuyến đường về Trung tâm xã Đông Thới	Cầu 19/5	hết cụm dân cư ấp Kinh Lớn	560	do đoạn này không thuộc địa bàn của xã quản lý
---	----	---------------------------------------	----------	----------------------------	-----	--

5. Xã Cái Nước (01 đoạn, tuyến)

1	13	Đường 2 - 9	Nhà ông Chiến	Đường 30-4	2.600	do trùng với đoạn số TT 82
---	----	-------------	---------------	------------	-------	----------------------------

6. Xã Vĩnh Phước (02 đoạn, tuyến)

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành	Ghi chú
			Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)
1	22	Khu vực cầu xã Thoàn	Bắt đầu từ hết ranh chòm mã tại xã Thoàn; Trên lộ	Đến hết ranh Trường Tiểu học B (tên cũ: Đến hết ranh Trường Tiểu học A); Trên lộ	1.040	Do đoạn này trùng với số TT 11
2	23	Khu vực cầu xã Thoàn	Bắt đầu từ hết ranh chòm mã tại xã Thoàn; Dưới lộ	Đến hết ranh Trường Tiểu học B (tên cũ: Đến hết ranh Trường Tiểu học A); Dưới lộ	800	Do đoạn này trùng với số TT 12

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành	Ghi chú
			Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành	Ghi chú
			Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành	Ghi chú
			Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành	Ghi chú
			Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành	Ghi chú
			Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành	Ghi chú
			Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành	Ghi chú
			Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)